

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024
LẦN 1

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Địa lý Trung Quốc		
Mã học phần:	71SINO40022	Số tin chỉ:	02
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SINO40022_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Hệ thống hóa các kiến thức tổng quan về đất nước Trung Quốc.	Trắc nghiệm + Tự luận				
CLO2	Các yếu tố: tự nhiên và kinh tế - xã hội của Trung Quốc	Trắc nghiệm + Tự luận				
CLO3	Phân tích các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội của Trung Quốc	Trắc nghiệm + Tự luận				
CLO4	Giải thích mối quan hệ giữa 2 nhóm yếu tố: tự nhiên và kinh tế - xã hội của Trung Quốc	Trắc nghiệm + Tự luận				

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu hỏi + 0,2 điểm)

Ngành công nghiệp nào sau đây phát triển mạnh ở TQ nhờ lực lượng lao động dồi dào?

- A. Dệt may
- B. Điện tử.
- C. Sản xuất ô tô.
- D. Sản xuất máy móc tự động.

ANSWER: A

Nhận định nào dưới đây không đúng về đặc điểm tự nhiên miền Đông Trung Quốc?

- A. Là nơi bắt nguồn của các sông lớn.
- B. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa.
- C. Khoáng sản kim loại màu là chủ yếu.
- D. Địa hình chủ yếu là đồng bằng phù sa màu mỡ.

ANSWER: A

Đồng bằng nào chịu nhiều lụt lội nhất ở miền Đông Trung Quốc?

- A. Hoa Nam
- B. Hoa Bắc.
- C. Hoa Trung.
- D. Đông Bắc

ANSWER: A

Để thu hút vốn đầu tư và công nghệ của nước ngoài, Trung Quốc đã

- A. Thành lập các đặc khu kinh tế, các khu chế xuất.
- B. Tiến hành tư nhân hóa, thực hiện cơ chế thị trường.
- C. Tiến hành cải cách ruộng đất.
- D. Xây dựng nhiều thành phố, làng mạc.

ANSWER: A

Đồng bằng nào của Trung Quốc chịu ảnh hưởng mạnh nhất của lũ lụt?

- A. Hoa Nam
- B. Hoa Trung
- C. Đông Bắc
- D. Hoa Bắc

ANSWER: A

Ý nào sau đây không đúng về tư tưởng trọng nam của Trung Quốc?

- A. Tạo ra nguồn lao động có sức mạnh.
- B. Ảnh hưởng đến nguồn lao động trong tương lai.
- C. Ảnh hưởng tiêu cực đến cơ cấu giới tính.
- D. Tạo ra nhiều vấn đề xã hội cho đất nước và kinh tế.

ANSWER: A

Ngành công nghiệp nào sau đây của Trung Quốc đứng đầu thế giới?

- A. Công nghiệp khai thác than.
- B. Công nghiệp chế tạo máy bay.
- C. Công nghiệp đóng tàu.
- D. Công nghiệp hóa dầu.

ANSWER: A

Các dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở khu vực nào của Trung Quốc?

- A. Vùng núi và biên giới.
- B. Các đồng bằng châu thổ.
- C. Các thành phố lớn.
- D. Dọc biên giới phía nam

ANSWER: A

Dân cư Trung Quốc tập trung chủ yếu ở miền Đông vì miền này

- A. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, dễ dàng cho giao lưu.
- B. Là nơi sinh sống lâu đời của nhiều dân tộc.
- C. Ít thiên tai.
- D. Không có lũ lụt đe dọa hằng năm.

ANSWER: A

Tài nguyên chính của miền Tây Trung Quốc là

- A. Rừng, đồng cỏ và các khoáng sản.
- B. Đất phù sa màu mỡ, rừng và đồng cỏ.
- C. Rừng, đồng cỏ và các khoáng sản kim loại màu.
- D. Đất phù sa màu mỡ và các khoáng sản kim loại màu.

ANSWER: A

Sản phẩm nào của ngành trồng trọt chiếm vị trí quan trọng ở Trung Quốc ?

- A. Cây lương thực.
- B. Cây công nghiệp hàng năm.
- C. Cây công nghiệp lâu năm.
- D. Hoa màu.

ANSWER: A

Trung Quốc không áp dụng chính sách, biện pháp nào trong cải cách nông. nghiệp?

- A. Tăng thuế nông nghiệp
- B. Cải tạo, xây dựng mới đường giao thông, hệ thống thủy lợi.
- C. Đưa kĩ thuật mới vào sản xuất, phổ biến giống mới.
- D. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.

ANSWER: A

Các ngành công nghiệp ở nông thôn phát triển mạnh dựa trên thế mạnh về

- A. Lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.
- B. Lực lượng lao động có kĩ thuật và nguyên vật liệu sẵn có.
- C. Lực lượng lao động dồi dào và công nghệ sản xuất cao.

D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và công nghệ sản xuất cao.

ANSWER: A

Khi thực hiện chính sách công nghiệp mới, ngành nào sau đây không được TQ đầu tư?

- A.** Tin học.
- B.** Điện tử.
- C.** Sản xuất ô tô.
- D.** Xây dựng.

ANSWER: A

Sản phẩm nông nghiệp của miền Tây Trung Quốc là

- A.** Chăn nuôi cừu
- B.** Cây công nghiệp hàng năm.
- C.** Cây công nghiệp lâu năm.
- D.** Nuôi lợn và gia cầm.

ANSWER: A

Sông nào sau đây không bắt nguồn từ miền Tây Trung Quốc?

- A.** Hắc Long Giang
- B.** Hoàng Hà.
- C.** Trường Giang.
- D.** Mê Công.

ANSWER: A

Loại khoáng sản nào sau đây nổi tiếng ở Miền Đông Trung Quốc?

- A.** Kim Loại màu.
- B.** Kim Loại đen.
- C.** Quặng bôxít.
- D.** Sa khoáng.

ANSWER: A

Tác động tích cực của dân số Trung Quốc hiện nay đối với nền kinh tế là

- A.** Lao động rẻ là điều kiện để hạ giá thành sản phẩm tăng khả năng cạnh tranh, dân số đông thị trường tiêu thụ lớn.
- B.** Nhờ dân số đông số người tài giỏi nhiều, cung cấp lao động trí tuệ cho nền kinh tế.
- C.** Dân số đông số người lao động nhiều, làm tăng sản lượng của các ngành kinh tế.
- D.** Dân số đông là động lực thúc đẩy các ngành kinh tế phục vụ dân sinh phát triển.

ANSWER: A

Trung Quốc thời kì cổ, trung đại không có phát minh nào sau đây?

- A.** Giấy.
- B.** La bàn.
- C.** Kỹ thuật in.
- D.** Chữ la tinh.

ANSWER: A

Dân tộc nào chiếm đa số ở Trung Quốc?

- A. Dân tộc Hán.
 B. Dân tộc Choang.
 C. Dân tộc Tạng.
 D. Dân tộc Hồi.
 ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (tổng số câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)

Câu 1. (3 điểm): Nhận xét sự phân bố dân cư Trung Quốc. Tại sao dân cư Trung Quốc lại phân bố tập trung ở khu vực miền Đông?

Câu 2. (3 điểm): Phân tích những thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1 – 10		2.0	
Câu 11 – 20		2.0	
II. Tự luận		6.0	
Nội dung câu 1.	<p>Nhận xét: Dân cư phân bố không đều:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giữa miền núi và đồng bằng: + Dân số tập trung chủ yếu ở miền đồng bằng châu thổ phía Đông, nhiều thành phố đô thị triệu dân (Bắc Kinh, Thượng Hải...). <p>==> Vùng đồng bằng có điều kiện tự nhiên thuận lợi, vị trí địa lí và giao thông dễ dàng cho giao lưu phát triển kinh tế-xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Miền núi phía Tây dân cư thưa thớt, mật độ dân số dưới 1 người/km².. <p>==> Địa hình đồi núi giao thông khó khăn, khí hậu lục địa khắc nghiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Riêng vùng phía Bắc SN. Tây Tạng có mật độ dân số cao hơn (từ 1 - 	3.0	

	<p>50 người/km²), trong lịch sử đây là con đường tơ lụa và ngày nay có tuyến đường sắt chạy qua.</p> <p>– <i>Giữa thành thị- nông thôn:</i></p> <p>+ Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng nông thôn (hơn 60%).</p> <p>+ Số dân thành thị là 37%, số dân thành thị đang tăng lên nhanh.</p> <p>Tại vì:</p> <p>- Khu vực miền Đông của Trung Quốc tiếp giáp với biển, mở rộng ra Thái Bình Dương với nhiều cảng biển lớn thuận lợi để giao lưu phát triển kinh tế và nuôi trồng thủy hải sản.</p> <p>- Miền Đông có tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế: địa hình đồng bằng với đất đa phì nhiêu; khí hậu chịu ảnh hưởng của biển nên rất thuận lợi để phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển nông nghiệp.</p> <p>- Miền Đông là nơi được khai phá sớm hơn nên có sự tập trung dân cư đông.</p> <p>Các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị cũng phần lớn tập trung ở khu vực này nên thu hút sự tập trung của dân cư.</p>		
<p>Nội dung câu 2.</p>	<p><i>* Những thuận lợi và khó khăn của các điều kiện tự nhiên đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc:</i></p>	<p>3.0</p>	

	<p>- Thuận lợi:</p> <p>+ Địa hình:</p> <p>Đồng bằng châu thổ rộng lớn phía Đông thuận lợi cho canh tác nông nghiệp (lúa nước, cây lương thực, hoa màu...), thuận lợi để xây dựng các công trình, nhà máy xí nghiệp...</p> <p>Các đồng cỏ lớn ở phía Tây thuận lợi cho chăn thả gia súc.</p> <p>+ Khí hậu: miền Đông khí hậu chuyển từ cận nhiệt đới gió mùa sang ôn đới gió mùa tạo nên cơ cấu cây trồng - vật nuôi đa dạng.</p> <p>+ Nguồn nước dồi dào, nhiều sông lớn</p> <p>.</p> <p>-> phát triển nền nông nghiệp trù phú và đa dạng. Khu vực thượng nguồn các sông lớn có thể phát triển thủy điện.</p> <p>+ Rừng: vùng đồi núi phía Tây có diện tích rừng rộng lớn và giàu có → phát triển lâm nghiệp.</p> <p>+ Khoáng sản: phân bố ở cả hai miền, tập trung chủ yếu ở miền Tây với nhiều loại có giá trị và trữ lượng lớn (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt...), miền Đông nổi tiếng về kim loại màu → phát triển công nghiệp năng lượng, khai khoáng.</p> <p>- Khó khăn:</p> <p>+ Địa hình miền núi phía Tây khó khăn cho việc đi lại và trao đổi hàng hóa, nhiều hoang mạc và bán hoang</p>		
--	--	--	--

	<p>mạc có khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt.</p> <p>+ Vùng đồng bằng thường bị ngập lụt (Hoa Nam).</p> <p>+ Vùng nội địa khí hậu khô hạn, khắc nghiệt.</p>		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



TS. Nguyễn Tiến Lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

Giảng viên ra đề

TS. Lâm Thị Thúy Phượng